

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 38/2017/HSST
Ngày: 29/9/2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Kim Quỳnh** và Bà **Phan Thị Huyền**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Tâm** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Bế Thị Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST, ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo: **VŨ THỊ MAI L** - sinh ngày 23/11/1990 tại Thái Bình; Trú tại: xóm 8, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; Con ông Vũ Duy Đ và bà Tô Thị L; Có chồng là: Nguyễn Mạnh H; Có: 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 17/6/2017. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Chị **Trần Thị Đ** – Sinh năm 1984. Trú tại: thôn Khuổi Cuồng, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Đăng B** – sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Số nhà 181 + 182 thuộc tổ 16, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội (vắng mặt có lý do – có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Những người làm chứng:**

1. Anh **Âu Trung S** – sinh năm 1981; Trú tại: tổ 14, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Chị **Nông Thị V** – sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: thôn Chợ A, xã Côn Minh, huyện Na Rỳ, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở: tổ 8B, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc

Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả những người làm chứng, Tòa không triệu tập).

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Thị Mai L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do đã quen biết nhau từ trước, ngày 27/10/2016 Vũ Thị Mai L gọi điện cho Trần Thị Đ - trú tại thôn Khuổi Cuồng, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn nhờ Đ tìm nhà trọ và tìm việc làm tại thành phố Bắc Kạn. Sau khi Đ đồng ý, L bắt xe khách đi từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, khoảng 19 giờ cùng ngày L đến nhà chị Đ. Ngày 28/10/2016 và buổi sáng 29/10/2016 chị Đ điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen trắng, BKS 97B1 – 414.02 của mình chở L đến nơi Đ làm việc rồi cho L mượn xe để tự đi tìm nhà trọ và tìm việc làm. Khoảng 11 giờ ngày 29/10/2016 L gọi điện cho Đ để đón về nghỉ trưa nhưng do Đ đang đi tiếp thị cùng đồng nghiệp nên Đ hẹn L khi nào xong việc sẽ gọi L đón, nhưng hơn 11 giờ cùng ngày L tự ý điều khiển chiếc xe mô tô đang mượn của Đ về Thái Nguyên, trên đường đi L mở cốp xe tìm áo chống nắng thì thấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân của Đ. Đến Thái Nguyên, L đến gặp bạn là anh Âu Trung S lúc đó công tác tại Bộ tư lệnh quân khu I đóng quân tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (hiện nay anh S công tác tại Đại đội Tăng thiết giáp thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn), tại đây L bị huyết áp thấp nên S gọi taxi cho L về chỗ trọ tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, sau đó khoảng 17 giờ cùng ngày S đem xe máy đến phòng trọ cho L. S không hỏi về chiếc xe, L cũng không nói về nguồn gốc xe nên S không biết chiếc xe do L mượn của người khác.

Về phía chị Đ đã nhiều lần gọi điện và nhắn tin cho L hỏi về chiếc xe của mình cho L mượn nhưng L không nghe, không trả lời tin nhắn, đến chiều ngày 29/10/2016 L nghe điện thoại và cho Đ biết là mượn xe về Thái Nguyên, đến tối cùng ngày Đ giục lấy xe về trả thì L nói dối là bị tai nạn tại Km31 – Quốc lộ 3 và không hẹn thời hạn trả xe. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 30/10/2016 L nảy sinh ý định về quê tại Thái Bình nên điều khiển xe BKS 97B1 – 414.02 đi theo hướng quốc lộ 3 – Hà Nội, khi đến địa phận thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội, L nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe BKS 97B1 – 414.02 để lấy tiền. L vào cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy cũ DB có địa chỉ tại số nhà 181 + 182 thuộc tổ 16, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội gặp anh Nguyễn Đăng B là chủ cửa hàng đặt vấn đề muốn cầm cố chiếc xe và đưa giấy đăng ký xe cho anh B xem, anh B nói cửa hàng chỉ mua bán xe máy cũ và đồng ý mua xe với giá 8.000.000 đồng nhưng do L không có chứng minh nhân dân nên anh B chỉ trả giá 6.000.000 đồng và hẹn còn lại 2.000.000 đồng sẽ trả khi L đem chứng

minh nhân dân đến. Bán xe xong L cầm số tiền rồi về Thái Bình tiêu dùng cá nhân hết. Chị Đ nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhưng L không trả lời, ngày 31/10/2016 thông qua anh Âu Trung S, chị Đ biết L đã bán chiếc xe của mình nên chị Đ viết đơn trình báo Công an đề nghị giải quyết. Ngày 02/11/2016 chị Đ gặp L và cùng đến cửa hàng DB để chuộc lại xe nhưng cửa hàng đã bán chiếc xe cho một người không biết tên, địa chỉ nên không chuộc lại được xe. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được chiếc xe.

Quá trình điều tra Vũ Thị Mai L bỏ trốn tại địa phương, cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã số 01 ngày 08/3/2017. Ngày 17/6/2017 L bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Thị Mai L khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 14/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu trắng - đen, biển kiểm soát 97B1 – 414.02, giá trị còn lại là: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 36/KSĐT, ngày 11/9/2017 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Vũ Thị Mai L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, khoản 1, điều 140/BLHS.

*** Điều luật có nội dung:** “1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a.....

b. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Tại phiên toà: - Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L.

- Bị cáo L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như bản cáo trạng đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Do có mối quan hệ quen biết với người bị hại Trần Thị Đ, nên ngày 29/10/2016 tại thành phố Bắc Kạn, Vũ Thị Mai L đã có hành vi mượn 01 (một) chiếc xe mô tô

nhãn hiệu Honda Blade biển kiểm soát 97B1 – 414.02 của chị Trần Thị Đ. Chị Đ nhất trí cho L mượn xe với mục đích để L đi tìm nhà trọ và việc làm, trong ngày 29/10/2016 chị Đ có hẹn L là khi nào xong việc sẽ gọi L đón. Tuy nhiên, do cần tiền tiêu dùng cá nhân nên L đã tự ý đem chiếc xe đến cửa hàng mua bán xe máy DB tại tổ 16, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Đăng B làm chủ, bán được số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Số tiền này, L đã chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển kiểm soát 97B1 – 414.02 đã qua sử dụng mà L chiếm đoạt trị giá: 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Vũ Thị Mai L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, khoản 1, điều 140/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy: Bị cáo L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và thực tế gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Trần Thị Đ số tiền 10.000.000đ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “tự nguyện bồi thường thiệt hại”, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có ông ngoại Tô Đình T là liệt sĩ, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm p, b, h, khoản 1, khoản 2, điều 46/BLHS.

Tuy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo không có nơi cư trú ổn định, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã từng bỏ trốn và bị truy nã nên xét thấy cần thiết bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới đảm bảo răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

* Trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 10.000.000đ theo sự tự thỏa thuận của hai bên về giá trị của chiếc xe. Sau khi nhận tiền bồi thường, quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại Trần Thị Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người có quyền lợi liên quan Nguyễn Đăng B – chủ cửa hàng mua bán xe máy DB là người đã trực tiếp mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 414.02 nhưng anh B không biết xe mô tô này là tài sản do L phạm tội mà có, do vậy cơ quan công an không xem xét xử lý đối với anh B là đúng quy định. Quá trình điều tra anh B không yêu cầu bồi thường. Anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh B có ý kiến không yêu cầu bồi thường, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo L không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

Bị cáo L phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Mai L phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 140; điểm b, p, h, khoản 1, khoản 2, Điều 46/BLHS.

Xử phạt: Vũ Thị Mai L: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/6/2017.

* Án phí: Căn cứ vào Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại - có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSTP Bắc Kạn: 2
- CATP Bắc Kạn: 2
- Bị cáo: 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- NBH: 1
- NCQLNVQLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tính: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

Triệu Thị Vang